VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

ỦY BAN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 15/2026/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 13 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND của HĐND tỉnh quy định chính sách hỗ trợ giá nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2026-2030

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH13;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giá số 16/2023/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 44/2024/QH15, Luật số 61/2024/QH15 và Luật số 95/2025/QH15.

Căn cứ Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 02/2020/UBTVQH14;

Căn cứ Nghị quyết số 29/2025/ NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ giá nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2026-2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định triển khai thực hiện Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chính sách hỗ trợ giá nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2026-2030.

Điều 1. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ giá nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2026-2030 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND), cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Thực hiện theo Điều 1 của Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND.

2. Đối tượng hỗ trợ: Thực hiện theo Điều 2 Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND.

3. Mức hỗ trợ, định mức hỗ trợ, phương thức hỗ trợ: Thực hiện theo Điều 3 Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND.

4. Nguồn kinh phí thực hiện hỗ trợ: Kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/ 02/2026

2. Chính sách hỗ trợ giá nước sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2026-2030 tại Quyết định này được áp dụng thực hiện kể từ ngày Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành.

3. Phương thức hỗ trợ:

Hỗ trợ kinh phí cho Trung tâm Thủy lợi và Nước sạch là đơn vị quản lý công trình cấp nước tập trung khu vực nông thôn.

Kinh phí hỗ trợ hàng tháng được tính theo định mức hỗ trợ nhân với số m^3 nước sạch tiêu thụ của cá nhân, hộ gia đình sử dụng nước, theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND.

a) Điều kiện hỗ trợ

- Hộ dân nông thôn sử dụng nước từ các công trình cấp nước tập trung do Trung tâm Thủy lợi và Nước sạch cung cấp, có đủ các điều kiện theo quy định tại Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND.

- Định mức lượng nước hỗ trợ tối đa 10 m^3/hộ/tháng, trường hợp lượng nước thực tế sử dụng thấp hơn thì hỗ trợ theo thực tế sử dụng.

- Điều kiện, quy trình xét cấp hỗ trợ và thời gian hỗ trợ giá nước sạch nông thôn được thực hiện theo quy định.

b) Nguyên tắc hỗ trợ

- Hỗ trợ cho người dân thông qua đơn vị quản lý, vận hành và cung cấp nước sạch theo hóa đơn sử dụng nước.

- Hộ dân nông thôn đã được hỗ trợ từ chính sách khác của Nhà nước mà trùng với các nội dung của quy định này trong cùng thời gian thực hiện thì không được hưởng chính sách hỗ trợ tại Quyết định này.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Giao Sở Tài chính phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện chính sách hỗ

trợ giá nước sạch sinh hoạt khu vực nông thôn trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2026-2030 theo quy định.

3. Giao UBND các xã, phường tiến hành rà soát, thống kê lập danh sách hộ gia đình, cá nhân nông thôn thuộc đối tượng hỗ trợ theo quy định tại Điều 2, Điều 3 của Nghị quyết số 29/2025/NQ-HĐND gửi về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài Chính;
- Cục KTVB và TCTHPL-Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế-Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- TT.TU; TT.HĐND tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo-Tin học;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, Luan.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Văn Hẳn